|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTr-BTTTT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2022* |

## TỜ TRÌNH

**Về dự án Luật Viễn thông sửa đổi,**

**thay thế Luật Viễn thông năm 2009**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022;

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, Bộ Thông tin và Truyền thông trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 với nội dung như sau:

## SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ BAN HÀNH LUẬT

* 1. **Sự cần thiết sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009**

Luật Viễn thông được Quốc hội khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 6 ngày 23/11/2009 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2010, có ý nghĩa rất quan trọng đối với tiến trình phát triển, hội nhập của nền kinh tế nói chung và ngành viễn thông nói riêng, đánh dấu bước phát triển mới của pháp luật về viễn thông ở nước ta, đặc biệt là trước xu thế toàn cầu hóa. Sau hơn 10 năm áp dụng, Luật Viễn thông và các văn bản hướng dẫn thi hành đã giúp thúc đẩy cạnh tranh, phát triển cơ sở hạ tầng mạng viễn thông hiện đại, phát triển thị trường viễn thông với đa dạng các dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong hội nhập kinh tế quốc tế, góp phần đảm bảo an ninh và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, Luật Viễn thông đã bộc lộ một số điểm không còn phù hợp cần được điều chỉnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong công tác thực thi cũng như đáp ứng xu thế phát triển mới:

- Xu hướng hội tụ giữa viễn thông, phát thanh truyền hình, công nghệ thông tin và tự động hóa đặt ra những yêu cầu mới đối với lĩnh vực viễn thông. Công nghệ phát triển đã tạo ra các loại hình dịch vụ mới, mô hình kinh doanh mới thúc đẩy việc hình thành cơ sở hạ tầng viễn thông mới kết hợp với các hạ tầng kỹ thuật khác phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội, của nền kinh tế. Cơ sở hạ tầng viễn thông cần được mở rộng thêm các cấu phần mới nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển là hạ tầng phục vụ kinh tế số, xã hội số; các dịch vụ viễn thông truyền thống cũng cần thay đổi cách quản lý cho phù hợp để đảm bảo các dịch vụ kết nối, đảm bảo chất lượng dịch vụ phục vụ hoạt động của các ngành, lĩnh vực trên môi trường mạng.

- Các quy định về quản lý và điều tiết thị trường hiện nay đã thể hiện một số bất cập như chưa có chính sách phát triển các doanh nghiệp mạng viễn thông di động ảo để thể chế hóa quan điểm của Đảng về việc thúc đẩy tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông mới; chưa có quy định cụ thể về nghĩa vụ của các doanh nghiệp có hạ tầng mạng trong việc cho thuê hạ tầng dẫn đến hạ tầng viễn thông đã được đầu tư chưa được khai thác hết năng lực, thị trường mạng viễn thông ảo ở Việt Nam chậm phát triển, các nhóm khách hàng thuộc thị trường ngách chưa phát triển.

- Quá trình triển khai cấp giấy phép cho các doanh nghiệp viễn thông hiện nay với việc cấp phép chỉ có một hình thức cấp phép chung và quy trình, thủ tục là như nhau, không phân loại theo tính chất của mạng, dịch vụ viễn thông, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng doanh nghiệp xin cấp phép cũng như loại giấy phép viễn thông; điều kiện cấp phép là vốn pháp định và cam kết đầu tư hiện nay không còn phù hợp.

- Xu thế phát triển dịch vụ vệ tinh chùm với các nguy cơ ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, mất an toàn mạng lưới, an ninh thông tin, ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng cũng như thị trường dịch vụ băng rộng cố định và di động trong nước, đòi hỏi phải có thêm các chính sách quản lý một cách phù hợp, hiệu quả.

Bên cạnh đó, từ năm 2010 đến nay, Việt Nam tham gia nhiều hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)..., với những cam kết mới và cao hơn so với các cam kết của Việt Nam khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Trong khi đó, Luật Viễn thông đã được ban hành 12 năm, trong bối cảnh ngành viễn thông có những bước phát triển mạnh mẽ và Việt Nam phải thực thi nhiều cam kết quốc tế, Luật Viễn thông cần nội luật hóa các cam kết mà Việt Nam là thành viên và xem xét bổ sung, hoàn thiện một số quy định để thực thi các cam kết đã có trong tình hình phải bảo đảm an toàn, an ninh trên không gian mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia.

Luật Viễn thông khi được ban hành đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp với các quy định của các luật chung và nội luật hóa các cam kết quốc tế trong WTO, CPTPP, EVFTA… mà Việt Nam là thành viên. Tuy nhiên, từ năm 2010 đến nay, một số luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Quy hoạch, Luật Quản lý và sử dụng tài sản công,… đã được ban hành và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế. Do đó, Luật Viễn thông cũng cần được xem xét, điều chỉnh để phù hợp với thực tế phát triển viễn thông hiện nay và đồng bộ, thống nhất với quy định của các luật chung.

## Căn cứ xây dựng Luật Viễn thông (sửa đổi)

Việc xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 được thực hiện căn cứ theo:

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng: *“Chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số”;*

- Nghị quyết 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: *Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân có đủ năng lực tham gia xây dựng hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia…”*.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” quy định *“Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông (Luật Giao dịch điện tử, Luật Công nghệ thông tin, Luật Viễn thông,...) để bảo đảm đầu tư của Nhà nước và huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, xã hội để chuyển đổi số”*.

- Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022, trong đó *đưa Luật Viễn thông (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023)*.

- Quyết định số 799/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật được điều chỉnh trong Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022 và các dự án luật thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, trong đó *giao Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì soạn thảo Luật Viễn thông (sửa đổi) trình Chính phủ trước ngày 10 tháng 01 năm 2023.*

## MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

1. **Quan điểm, mục đích xây dựng Luật**

- Xây dựng một luật thống nhất, tạo một hành lang pháp lý hoàn thiện để quản lý hoạt động viễn thông, quản lý trung tâm dữ liệu, hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây.

- Thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước tại các Nghị quyết và văn kiện Đại hội Đảng để phát triển hạ tầng viễn thông, mở rộng không gian cho doanh nghiệp viễn thông phát triển, đảm bảo hạ tầng viễn thông đáp ứng yêu cầu của kinh tế số, xã hội số.

- Giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, các bất cập, hạn chế trong thực thi Luật Viễn thông thời gian vừa qua cũng như để phù hợp với xu thế đổi mới do công nghệ thông tin đã làm thay đổi và định hình lại tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực viễn thông.

- Đồng bộ Luật Viễn thông với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật chung, khắc phục, điều chỉnh các điểm không thống nhất giữa Luật Viễn thông và các luật mới ban hành sau năm 2010. Nội luật hóa các cam kết mà Việt Nam đã ký kết, tham gia trong thời gian qua như CPTPP, EVFTA...

- Đáp ứng yêu cầu quản lý phù hợp với xu thế hội tụ giữa viễn thông và công nghệ thông tin, xu thế chuyển đổi số quốc gia. Phát triển hạ tầng viễn thông đi trước một bước và làm tốt vai trò là hạ tầng phục vụ kinh tế số, xã hội số.

## Yêu cầu

- Xây dựng Luật Viễn thông phù hợp với Hiến pháp và tạo sự đồng bộ trong hệ thống pháp luật với các luật chung, phù hợp với các điều ước quốc tế, các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập.

- Kế thừa các quy định hiện còn giá trị tại Luật Viễn thông năm 2009. Mở rộng phạm vi điều chỉnh thêm trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây; bổ sung các quy định nhằm tạo khung pháp lý ổn định cho hoạt động viễn thông và hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây trong giai đoạn tới.

- Hoàn thiện các chính sách nhằm bảo đảm thị trường viễn thông phát triển ổn định, bền vững; thúc đẩy các loại hình dịch vụ mới, công nghệ mới phù hợp với xu thế trên thế giới; thu hút đầu tư nước ngoài phát triển hạ tầng viễn thông, trung tâm dữ liệu; đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước phát triển, tăng cường bảo đảm quyền lợi của người sử dụng dịch vụ.

## QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG

Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 đảm bảo các yêu cầu theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Tổng kết đánh giá thi hành Luật Viễn thông năm 2009.
2. Lập hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 trình Chính phủ, đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 và Chính phủ đã có Tờ trình số 53/TTr-CP ngày 28 tháng 02 năm 2022 gửi Quốc hội. Quốc hội đã đồng ý đưa Luật Viễn thông (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023 để trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023) và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 6 (tháng 10/2023) tại Nghị quyết số 50/2022/QH15.
3. Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập xây dựng dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 gồm đại diện của Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ (Quyết định số 1765/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 9 năm 2022). Đã tổ chức … phiên họp toàn thể Ban soạn thảo và Tổ biên tập (ngày …/…/2022 và ngày …/…/2022) và nhiều phiên họp chuyên đề của Tổ biên tập và thường trực Ban soạn thảo với các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp.
4. Tổ chức các hoạt động phục vụ xây dựng dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 như: nghiên cứu chuyên đề, tọa đàm, hội thảo, tham vấn các chuyên gia trong nước và nước ngoài về các chính sách, nội dung của dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009; tổ chức khảo sát, học hỏi kinh nghiệm trong nước và nước ngoài.
5. Đăng tải để lấy ý kiến rộng rãi đối với hồ sơ dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.
6. Lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, các hiệp hội có liên quan và tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý cho Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009.
7. Gửi Bộ Tư pháp thẩm định (Công văn số ... ngày …/…/2022). Bộ Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số … ngày …/…/… về việc thẩm định dự án Luật Viễn thông sửa đổi. Bộ Thông tin và Truyền thông và Ban soạn thảo đã nghiên cứu tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp để hoàn thiện dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 và các tài liệu kèm theo để trình Chính phủ.

## BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

Luật Viễn thông năm 2009 có kết cấu 11 chương và 79 điều. Sau khi sửa đổi, bổ sung, Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009 có bố cục 11 chương và 79 điều, trong đó các nội dung sửa đổi, bổ sung bám theo 04 chính sách đã được thông qua theo Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, đồng thời bổ sung thêm 02 chính sách trong quá trình nghiên cứu xây dựng luật, cụ thể như sau:

### Chương I: Những quy định chung (12 điều)

Chương này quy định về: Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Giải thích từ ngữ; Chính sách của Nhà nước về viễn thông; Bảo đảm an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông và an ninh thông tin; Bảo đảm bí mật thông tin; Thông tin ưu tiên truyền qua mạng viễn thông; Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia; Trách nhiệm quản lý nhà nước về viễn thông; Cơ quan quản lý chuyên ngành về viễn thông; Thanh tra chuyên ngành về viễn thông; Các hành vi bị cấm trong hoạt động viễn thông.

Các nội dung sửa đổi chính trong Chương này tập trung vào chính sách mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật. So với Luật Viễn thông năm 2009, phạm vi điều chỉnh của Luật Viễn thông sửa đổi đã bổ sung thêm nội dung quản lý trung tâm dữ liệu, hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây, đồng thời, bổ sung một số khái niệm mới, làm rõ một số từ ngữ, khái niệm sử dụng trong luật để đồng bộ, thống nhất.

Việc mở rộng phạm vi điều chỉnh của luật để phù hợp với xu thế phát triển mới khi viễn thông hội tụ với công nghệ thông tin, thúc đẩy việc hình thành cơ sở hạ tầng viễn thông mới bổ sung thêm cấu phần trung tâm dữ liệu để phục vụ nhu cầu phát triển của xã hội, của nền kinh tế. Chính sách quy định về hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây được đưa vào Luật Viễn thông sửa đổi một cách phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây trong nước, đảm bảo môi trường cạnh tranh lành mạnh cũng như tăng cường bảo vệ quyền lợi của người sử dụng.

### Chương II: Kinh doanh viễn thông (10 điều)

Chương này quy định về: Hình thức kinh doanh viễn thông; Quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông; Quyền, nghĩa vụ của đại lý dịch vụ viễn thông; Quyền, nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông; Sở hữu trong kinh doanh dịch vụ viễn thông; Đầu tư trong kinh doanh dịch vụ viễn thông; Cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn, bán lẻ; Nghĩa vụ đối với các doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn; Quản lý cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông; Các hành vi hạn chế cạnh tranh trong lĩnh vực viễn thông.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính trong Chương này tập trung vào chính sách quản lý hoạt động bán buôn trong kinh doanh viễn thông; đồng thời, quy định tách riêng để làm rõ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp viễn thông, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ viễn thông và thuê bao viễn thông; bổ sung thêm các nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông theo hình thức bán buôn nhằm giải quyết các vấn đề vướng mắc, bất cập và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đàm phán mua buôn lưu lượng, thúc đẩy thị trường bán buôn và góp phần thúc đẩy cạnh tranh trên thị trường bán lẻ thông qua thị trường bán buôn.

Chương này cũng sửa đổi các nội dung liên quan đến hoạt động đầu tư trong kinh doanh dịch vụ viễn thông để đồng bộ với Luật Đầu tư 2020 và Luật Doanh nghiệp 2020.

### Chương III: Viễn thông công ích (3 điều)

Chương này quy định về: Hoạt động viễn thông công ích; Quản lý hoạt động viễn thông công ích; Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.

Chương này kế thừa các quy định hiện vẫn còn giá trị và phù hợp với thực tiễn liên quan đến chính sách về viễn thông công ích, chỉ làm rõ Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đồng thời, bãi bỏ Khoản 4 Điều 22 Luật Viễn thông 2009 *“ Bộ Tài chính chủ trì phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy định về việc hạch toán, thu nộp các khoản đóng góp cho Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam; Quy chế quản lý tài chính Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam”* để phù hợp với các quy định về quỹ hiện nay.

### Chương IV: Kinh doanh dịch vụ viễn thông (13 điều)

Chương này quy định thành 02 mục, trong đó mục 1 quy định về thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông gồm: Thiết bị đầu cuối thuê bao, mạng nội bộ; Thiết lập mạng viễn thông; Cung cấp dịch vụ viễn thông; Cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới; Từ chối cung cấp dịch vụ viễn thông; Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông; Liên lạc nghiệp vụ; Dịch vụ viễn thông khẩn cấp; Dịch vụ trợ giúp tra cứu số thuê bao điện thoại cố định; Dịch vụ báo hỏng số thuê bao điện thoại cố định. Mục 2 quy định về cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông gồm: Cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông; Quyền truy nhập các thông tin trên thiết bị đầu cuối của người sử dụng; Cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông theo hình thức xuyên biên giới vào Việt Nam.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính trong Chương này tập trung vào chính sách quy định về hoạt động thiết lập mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, trong đó, tách riêng điều khoản quy định về cung cấp dịch vụ viễn thông qua biên giới để nội luật hóa cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên, đồng thời, đưa ra nguyên tắc về việc cung cấp dịch vụ cho người sử dụng phải đảm bảo các yêu cầu về an toàn, an ninh quốc phòng. Chương này cũng bổ sung các trường hợp ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông và bổ sung quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp có hạ tầng mạng trong việc cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp cung cấp dịch vụ ứng dụng viễn thông.

Bên cạnh đó, chương này cũng bổ sung các điều khoản mới được đề xuất đưa vào luật tập trung vào quy định về việc cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc không sử dụng kho số viễn thông, trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và việc cung cấp dịch vụ theo hình thức xuyên biên giới vào Việt Nam. Loại hình dịch vụ này ngày càng phổ biến và phát sinh những vấn đề liên quan đến bảo vệ thông tin cá nhân, an ninh trật tự xã hội như tin nhắn rác, cuộc gọi rác nên cần được bổ sung các quy định mới vào luật sửa đổi để đảm bảo mục tiêu quản lý, ổn định kinh tế - xã hội.

### Chương V: Cấp giấy phép viễn thông (9 điều)

Chương này quy định về: Giấy phép viễn thông; Nguyên tắc cấp giấy phép viễn thông; Các hình thức cấp giấy phép viễn thông; Điều kiện cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông; Điều kiện cấp giấy phép nghiệp vụ viễn thông; Điều kiện gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp mới giấy phép viễn thông; Thu hồi giấy phép viễn thông; Miễn giấy phép viễn thông; Phí quyền hoạt động viễn thông.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính trong Chương này tập trung vào chính sách quy định về hình thức cấp phép khác nhau với các loại giấy phép, làm rõ thuật ngữ và thời hạn các loại giấy phép; đồng thời, điều chỉnh cách thức, điều kiện cấp phép kinh doanh dịch vụ viễn thông phù hợp với từng loại hình mạng và dịch vụ, bổ sung trường hợp thu hồi giấy phép viễn thông để phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Chính sách này sẽ giúp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhờ đó, tiết kiệm chi phí của doanh nghiệp, đồng thời, tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thực thi quản lý cấp phép.

# Chương VI: Kết nối và chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông (4 điều)

Chương này quy định về: Nguyên tắc kết nối viễn thông; Kết nối mạng viễn thông công cộng; Kết nối mạng viễn thông dùng riêng; Chia sẻ cơ sở hạ tầng viễn thông.

Chương này kế thừa các quy định hiện vẫn còn giá trị và phù hợp với thực tiễn liên quan đến chính sách về cơ sở hạ tầng viễn thông.

***Chương VII: Tài nguyên viễn thông (5 điều)***

Chương này quy định về: Quản lý tài nguyên viễn thông; Quy hoạch kho số viễn thông, tài nguyên Internet; Phân bổ, sử dụng, hoàn trả kho số viễn thông, tài nguyên Internet; Chuyển nhượng kho số viễn thông, tài nguyên Internet; Thu hồi kho số viễn thông, tài nguyên Internet.

Chương này tiếp tục kế thừa các quy định của Luật Viễn thông 2009 liên quan đến chính sách về quản lý tài nguyên viễn thông, chỉ đề xuất sửa đổi một điều khoản về thẩm quyền quy định chi tiết việc phân bổ kho số viễn thông thông qua đấu giá, chuyển nhượng là Chính phủ để phù hợp với Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

***Chương VIII: Quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng (8 điều)***

Chương này quy định về: Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông; Quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật viễn thông, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông; Giá cước viễn thông; Nguyên tắc xác định giá cước viễn thông; Căn cứ xác định giá cước viễn thông; Quản lý giá cước viễn thông; Lập hoá đơn và thanh toán giá cước dịch vụ viễn thông; Hoàn trả giá cước và bồi thường thiệt hại.

Chương này giữ nguyên các quy định của Luật Viễn thông 2009 liên quan đến chính sách về quản lý tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông và quản lý giá cước viễn thông, chỉ đề xuất sửa đổi một vài thuật ngữ về thiết bị để phù hợp với thực tiễn. Đồng thời, bổ sung quy định về trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý giá cước giữa các doanh nghiệp viễn thông đối với các dịch vụ viễn thông quan trọng Nhà nước cần quản lý cạnh tranh. Các nội dung sửa đổi, bổ sung nhằm giúp tạo điều kiện để công tác quản lý thực thi về giá cước được thuận lợi, dễ dàng và đồng bộ với chính sách quản lý thị trường bán buôn.

***Chương IX: Công trình viễn thông (5 điều)***

Chương này quy định về: Quy hoạch công trình viễn thông; Đất sử dụng cho công trình viễn thông; Thiết kế, xây dựng công trình viễn thông; Sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật; Quản lý công trình viễn thông.

Nội dung các quy định trong chương này hiện vẫn phù hợp với tình hình thực tiễn, không phát sinh mâu thuẫn nên được kế thừa, giữ nguyên đưa vào luật sửa đổi.

***Chương XI: Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây (8 điều)***

Chương này quy định về: Quy định chung; Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây; Phân loại dịch vụ; Đăng ký kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và dịch vụ điện toán đám mây; Bảo đảm thông tin của người sử dụng; Xử lý nội dung vi phạm bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ hoặc vi phạm quy định pháp luật; Chính sách khuyến khích đầu tư, phát triển dịch vụ trung tâm dữ liệu.

Các nội dung chính trong chương này mới được đưa vào dự thảo luật sửa đổi, tập trung vào việc hoàn thiện khung pháp lý về quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu và điện toán đám mây với mục tiêu tăng cường bảo vệ quyền lợi của người sử dụng trên môi trường mạng và thúc đẩy phát triển thị trường dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây.

# Chương XII: Điều khoản thi hành (2 điều)

Chương này quy định về: Điều khoản chuyển tiếp; Hiệu lực thi hành.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính trong Chương này tập trung vào điều khoản chuyển tiếp để đảm bảo việc thực thi Luật sau khi được ban hành phù hợp với thực tế, tránh gây các khó khăn, cản trở hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

*(Chi tiết các nội dung như dự thảo luật gửi kèm theo).*

## TÍNH THỐNG NHẤT VỚI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG CÙNG LĨNH VỰC VÀ CÁC LĨNH VỰC CÓ LIÊN QUAN

Để bảo đảm tính thống nhất, dự thảo Luật đã được rà soát với các luật khác trong cùng lĩnh vực và các lĩnh vực có liên quan như Luật Công nghệ thông tin, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Tần số vô tuyến điện, Luật An ninh mạng, Luật Giá, Luật Phí và lệ phí,…

Trên cơ sở kết quả rà soát, các quy định trong dự thảo Luật đã được xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp, tương thích, không mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản pháp luật liên quan. Chẳng hạn, rà soát với các luật cùng lĩnh vực như Luật Công nghệ thông tin, Luật An ninh mạng và các văn bản hướng dẫn, dự thảo Luật Giao dịch điện tử sửa đổi để đảm bảo Luật Viễn thông sửa đổi sẽ không bị chồng chéo về mặt phạm vi cũng như đã kế thừa một số quy định trong các Luật này, đồng thời bổ sung những quy định liên quan cần thiết phù hợp thực tế phát triển mà các Luật này còn thiếu. Hoặc rà soát với các luật khác liên quan như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công…. để đảm bảo các quy định trong Luật Viễn thông sửa đổi được đồng bộ, tuân thủ quy định hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam...

Kết quả rà soát pháp luật được thể hiện cụ thể trong *Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế* có liên quan đến dự thảo Luật (*gửi kèm theo Tờ trình*).

## TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN

Để bảo đảm không mâu thuẫn, trái với các điều ước, cam kết, hiệp định quốc tế mà Việt Nam đã ký kết, dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi đã được rà soát về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan. Tính đến thời điểm hiện tại, Việt Nam đã và đang tham gia nhiều điều ước quốc tế, hiệp định thương mại tự do, trong đó có nội dung liên quan đến hoạt động viễn thông được quy định trong các cam kết như:

* Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP);
* Hiệp định thương mại tự do song phương Việt Nam - Hàn Quốc;
* Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Úc/Niu Di-lân;
* Hiệp định thương mại tự do song phương giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu;
* Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (Hiệp định RCEP);
* Hiệp định khung e-ASEAN;
* Công ước Liên Hợp Quốc về hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế (CISG).

Trên cơ sở kết quả rà soát, các quy định trong dự thảo Luật đã được xem xét, sửa đổi, bổ sung để phù hợp, tương thích, không mâu thuẫn, chồng chéo với các điều ước quốc tế. Nội dung dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi hiện hoàn toàn tương thích với tất cả các điều ước quốc tế, hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia nói trên và các nội dung cam kết liên quan đến lĩnh vực viễn thông đã được nội luật hóa trong dự thảo luật sửa đổi cũng như các văn bản quy phạm pháp luật dưới luật.

## VIỆC LỒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT

Thực hiện Luật Bình đẳng giới, các quy định liên quan đến lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập với sự tham gia của cả nam và nữ, tất cả các thành viên đều có nhận thức đúng đắn về vai trò của phụ nữ trong đời sống xã hội, cân nhắc câu chữ và quán triệt trong quá trình soạn thảo về vấn đề bình đẳng giới.

Trong quá trình triển khai xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì cũng như Ban soạn thảo đã thực hiện đúng quy trình, thủ tục lồng ghép vấn đề bình đẳng giới và các quy định trong Luật Bình đẳng giới. Dự án Luật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng nam, nữ và không phân biệt đối xử về giới, có lồng ghép một số chính sách nhằm thúc đẩy bình đẳng giới, cụ thể hóa và đảm bảo quyền con người theo tinh thần của Hiến pháp năm 2013.

1. **ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, TÀI CHÍNH ĐỂ THI HÀNH LUẬT SAU KHI ĐƯỢC QUỐC HỘI BAN HÀNH**

Sau khi dự thảo Luật được Quốc hội thông qua sẽ có một số các hoạt động chủ yếu gồm: xây dựng các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật (bao gồm cả sửa đổi, bổ sung các văn bản hiện hành), các hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật (in ấn tài liệu phổ biến, đăng bài trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức hội thảo, tập huấn để phổ biến những nội dung mới của Luật...); triển khai thi hành Luật và theo dõi, sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình thực thi Luật theo thời gian định kỳ hoặc đột xuất; đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực thi. Chi phí cho các hoạt động trên sẽ được dự toán chi từ nguồn ngân sách nhà nước, đồng thời, huy động sự tham gia, đóng góp từ các đối tượng khác (các nhà tài trợ, các dự án hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế,...).

Với điều kiện thực tế hiện nay về tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nguồn nhân lực, các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương có đủ nguồn lực, điều kiện cơ bản cho việc thi hành Luật sau khi được Quốc hội thông qua.

## TIẾP THU Ý KIẾN ĐÓNG GÓP, Ý KIẾN THẨM ĐỊNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU

1. **Tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý**

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được … văn bản đóng góp ý kiến với … ý kiến cụ thể cho dự thảo Luật của các Bộ, cơ quan Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), các hội, hiệp hội, các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp liên quan. Tất cả các ý kiến đóng góp đều đã được Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu nghiêm túc để tiếp thu, giải trình và điều chỉnh, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật và các báo cáo kèm theo.

Báo cáo tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước được gửi kèm theo Tờ trình này.

## Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

Bộ Thông tin và Truyền thông đã nhận được Báo cáo thẩm định số … ngày … tháng … năm 2022 của Bộ Tư pháp đối với dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi. Bộ Thông tin và Truyền thông đã nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và điều chỉnh, hoàn thiện nội dung dự thảo Luật theo ý kiến thẩm định.

Bản tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp được gửi kèm theo Tờ trình này.

## Vấn đề còn ý kiến khác nhau

Qua tổng hợp giải trình tiếp thu ý kiến góp ý của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, hiệp hội, doanh nghiệp trong và ngoài nước cũng như ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ thông tin và Truyền thông đã tiếp thu đầy đủ tất cả các ý kiến và đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện trong dự thảo Luật Viễn thông sửa đổi và hồ sơ dự án Luật.

Hiện nay trong văn bản thẩm định của Bộ Tư pháp còn ý kiến băn khoăn về nội dung …., Bộ Thông tin và Truyền thông xin được trình bày như sau…

## KIẾN NGHỊ

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Viễn thông sửa đổi, thay thế Luật Viễn thông năm 2009, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Xin gửi kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Luật; (2) Báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Luật; (3) Báo cáo thẩm định và Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo Luật; (5) Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật và điều ước quốc tế; (6) Báo cáo về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới; (7) Báo cáo nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế.

Trân trọng kính trình./.

***Nơi nhận:***

* Như trên;
* Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
* Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
* Ủy ban KHCNMT của Quốc hội;
* Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
* Văn phòng Quốc hội;
* Văn phòng Chính phủ;
* Bộ Tư pháp;
* Bộ trưởng (để báo cáo);
* Thứ trưởng Phạm Đức Long;
* Lưu: VT, QLDN, PC.

## KT. BỘ TRƯỞNG

## THỨ TRƯỞNG

**Phạm Đức Long**